TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Tiến Hùng

Bà Đoàn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Nam - Kiểm sát viên.

Ngày *17* tháng *7* năm *2020* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *65/2020*/TLST-*HNGĐ* ngày *05* tháng 5 năm *2020* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *40/2020/*QĐXXST-HNGĐ ngày *24* tháng *6* năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**. Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đăng T**. Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Xóm 09 (nay là xóm 6), xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 03/5/2020 và bản tự khai ngày 27/5/2020, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Đăng T đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại UBND xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống với bố mẹ chồng tại xóm 9 (nay là xóm 6), xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường cho đến tháng 3 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T thể hiện là người chồng không có trách nhiệm với vợ và con, không lo tu chí làm ăn, còn mải chơi. Do mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên đến tháng 12 năm 2017, chị N cùng con chung về nhà bố mẹ đẻ đồng thời chuyển đăng ký thường trú về tại xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và sinh sống cho đến nay. Suốt thời gian vợ chồng ly thân, anh T và chị N không liên lạc gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Nguyễn Đăng T;

- Con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2017. Con chung hiện tại đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đăng T không có mặt tuy nhiên trong bản tự khai của mình, anh Nguyễn Đăng T đồng nhất với ý kiến của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như thời gian phát sinh mâu thuẫn. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và chưa đủ trách nhiệm đối với nhau nên đến tháng 12 năm 2017, vợ chồng ly thân cho đến nay.

- Con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2017. Con chung hiện tại đang sống với chị N. Anh T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh, UBND xã Đ đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn, vấn đề con chung; phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Nguyễn Đăng T; giao con chung Nguyễn Thị Ngọc D cho chị N trực tiếp nuôi, không xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Đăng T đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại UBND xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị N trình bày quá trình chung sống, mặc dù kết hôn với nhau được một thời gian ngắn nhưng vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân. Anh T thừa nhận mâu thuẫn là do cả hai không tìm được tiếng nói chung và chưa đủ trách nhiệm đối với nhau nên đã ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Như vậy chị N và anh T đều đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Nguyễn Đăng T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2017. Hiện tại con chung đang ở với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Các đương sự đều đồng thuận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho chị Bùi Thị N ly hôn anh Nguyễn Đăng T;

- Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 19/4/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Người đang trông giữ con chung có nghĩa vụ giao con chung cho người được Tòa án giao quyền nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: chị Bùi Thị N chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005523 ngày 04/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã D, huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể